TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **144**/2022/HNGĐ–ST
Ngày: 30/12/2022
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích;

Ông Bùi Tuấn Khanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **V**, sinh ngày: 05/8/1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh **Ng**, sinh ngày: 20/6/1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T 1, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị V có đơn xin xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/12/2022

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ph chung sống với nhau vào năm 2007 trên

cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trong thời kỳ hôn nhân Chị L và anh Ph chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã, mâu thuẫn. Chị L và anh Ph sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay.

Chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy Chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị L được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Chị L và anh Ph có 02 con chung tên A, sinh ngày: 18/11/2009 và L, sinh ngày: 01/4/2018. Chị L yêu cầu nuôi con chung L, sinh ngày: 01/4/2018 đồng ý để anh Ph nuôi con chung A, sinh ngày: 18/11/2009, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng anh Ng đều vắng mặt không có lý do mặt dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của Chị L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị L.

Về con chung: Chị L được tiếp tục nuôi con chung tên L, sinh ngày: 01/4/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh Ng tiếp tục nuôi con chung A, sinh ngày: 18/11/2009. Ghi nhận việc Chị L không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L và anh Ph không tranh chấp nên không xét đến.

Về nợ chung: Chị L và anh Ph khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh Ng vẫn vắng mặt không có lý do, Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt . Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sư.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*:

Chị V khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Ng, yêu cầu nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Theo xác nhận ngày 07/10/2021 của Công an xã Thới Thuận, huyện Bình Đại. Anh Ng có đăng ký thường trú tại: ấp Thới Hòa 1, xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4] *Về nội dung vụ án*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ph chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2007 ngày 19/4/2007 do Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh Ph là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, sự việc được gia đình hai bên hòa giải khuyên ngăn nhưng Chị L và anh Ph vẫn sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho Chị L và anh Ph hàn gắn tính cảm nhưng Chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn anh Ph đều vắng mặt trong các lần hòa giải chứng tỏ anh Ph đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Điều đó chứng tỏ anh Ph đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này và mâu thuẫn hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị L đối với anh Ph.

Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi con chung L, sinh ngày: 01/4/2018. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lam Anh sống chung với Chị L vẫn phát triển bình thường. Do đó, giao con chung cho Chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Hiện nay cháu A đang sống chung anh Ph và có nguyện vọng sống chung với anh Ph do đó giao cháu A cho anh Ph nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh Ph không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh Ph có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Chị L khai không có nên ghi nhận.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc Chị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh Ng. Chị V được ly hôn với anh Ng.

[2] Về con chung: Giao con chung tên L, sinh ngày: 01/4/2018 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Giao con chung A, sinh ngày: 18/11/2009 cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ghi nhận việc Chị L, anh Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Ng không trực tiếp nuôi con chung L, chị V không trực tiếp nuôi con chung A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị V trực tiếp nuôi con chung L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Ng trực tiếp nuôi con chung A cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị V và anh Ng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh Ph có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Chị L khai không có nên không xét đến, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006121 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị V đã nộp đủ án phí.

[6] Về quyền kháng cáo:

Chị V, anh Ng có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Thới Thuận, số 38/2007;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Quang Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hoàng Mích **Bùi Tuấn Khanh** **Phạm Quang Hải**